TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2022/DS – ST
Ngày: 04-01-2022
V/v Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thuận

2. Bà Bùi Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng Ngọc L, sinh năm: 1981. Địa chỉ: ấp AĐ, xã LA, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn N, sinh năm: 1991. Địa chỉ: ấp AĐ, xã LA, huyện Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp AĐ, xã LA, huyện Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/6/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Hoàng Ngọc L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau nên ngày 03/8/2020, ông L có cho bà Nguyễn N vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để kinh doanh, cụ thể là

mua lưới để làm ngư cụ đi biển. Khi vay, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền tại văn phòng Công chứng Trần Đình Nam, số công chứng 985, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD; không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 5 năm tính từ ngày ký hợp đồng công chứng; không cầm cố, thế chấp tài sản.

Ông L đã giao đủ số tiền vay cho bà N. Đến cuối tháng 5 năm 2021, ông L phát hiện bà N không sử dụng vào mục đích kinh doanh như thỏa thuận, không mua ngư cụ để đi biển đánh bắt cá mà còn bán luôn ghe và các ngư cụ nên ông đã liên lạc yêu cầu bà N trả lại tiền nhưng bà N lẩn tránh, đến tháng 4/2021, bà Ngà bỏ đi khỏi địa phương nên ông khởi kiện tại Tòa án.

Nay ông L yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Về án phí đề nghị bà N phải chịu theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn N:

Bà N đã được Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu của mình và không có mặt theo thông báo, quyết định của Tòa án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T là vợ ông L. Trong quá trình giải quyết bà có yêu cầu bà N có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho vợ chồng bà, tuy nhiên tại phiên tòa, bà T xác định số tiền trên là tài sản riêng của ông L, không liên quan đến bà nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T xác định số tiền trên là tài sản riêng của ông L, không liên quan đến bà nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ có quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến thu thập chứng cứ và hòa giải. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt do đó đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do ông L cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông L, buộc bà Ngà phải trả cho ông L số tiền là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về án phí: đề nghị bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Phạm Hoàng Ngọc L và bị đơn bà Nguyễn N được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Các đương sự hiện cư trú tại huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp AĐ, xã LA, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Kết quả xác minh ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ cho thấy bà Ngà có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên và từ năm 2009 đến nay không có sự kiện đăng ký kết hôn của bà N.

Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: "Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung". Vì vậy, đối với trường hợp này, được xem như bà N cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại ấp AĐ, xã LA, huyện Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bà Nguyễn N đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các quyết định tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm Hoàng Ngọc L xác định vào ngày 03/8/2020 có cho bà Nguyễn N vay số tiền 50.000.000 đồng, không lãi suất. Khi vay, hai bên ký kết Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Trần Đình Nam, số công chứng 985, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD. Ông L đã giao đủ số tiền trên cho bà Ngà. Hai bên thỏa thuận nếu bà N sử dụng số tiền này không đúng mục đích thì phải trả cho ông L. Khi ông L phát hiện bà Ngà không dùng tiền mua ngư lưới cụ đi biển mà bán tất cả tài sản và bỏ đi khỏi địa phương nên ông có yêu cầu bà trả tiền nhưng bà Ngà cố tình không trả.

Lời khai này phù hợp chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Biên bản xác minh của Tòa án về nơi cư trú của bà N thì hiện nay bà đã bỏ đi khỏi địa phương không khai báo. Bà N cố tình vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến và cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì, nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết. Do đó việc ông L khởi kiện yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền gốc còn nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

Bà Trần Thị T là vợ ông L, xác nhận khoản tiền này là tiền cá nhân của ông L, không phải tài sản chung của vợ chồng. Việc ông L cho bà N vay tiền bà không trực tiếp ký tên hợp đồng cũng như không liên quan và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho ông L theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng Ngọc L về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Nguyễn N.

1. Buộc bà Nguyễn N thanh toán cho ông Phạm Hoàng Ngọc L số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Bà Nguyễn N phải nộp 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phạm Hoàng Ngọc L số tiền 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2019/0004835 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ MỸ DUNG